

Số: 227/TM-TTYT

Phú Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh
thuốc được liệu – thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền trên toàn quốc.

Trung tâm y tế huyện Phú Ninh xin gửi lời chào và lời cảm ơn đến Quý công ty trong việc hợp tác cùng đơn vị nhằm đảm bảo đủ thuốc cho người bệnh trong thời gian qua.

Hiện tại, Trung tâm y tế huyện Phú Ninh có nhu cầu mua sắm một số vị thuốc cổ truyền phục vụ công tác khám chữa bệnh. Để có thông tin tham khảo khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo nguyên tắc phù hợp với quy định tại Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 và Thông tư 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ Y tế, Trung tâm y tế huyện Phú Ninh kính mong Quý công ty tham gia báo giá vị thuốc cổ truyền phù hợp theo danh mục đính kèm (*Phụ lục*).

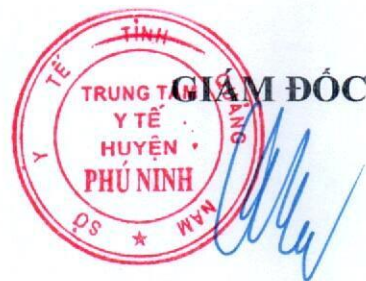
Đề nghị Quý công ty cho báo giá ghi rõ tên công ty, địa chỉ, hiệu lực của báo giá trong vòng 90 ngày (*theo mẫu: Phụ lục*), ký đóng dấu và gửi báo giá về Khoa dược-TTB-VTYT – Trung tâm y tế huyện Phú Ninh. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, file mềm gửi về địa chỉ email: khoaduocctytpn@gmail.com trước ngày 17h00 ngày 20/10/2023.

Mọi chi tiết xin liên hệ DS. Đoàn Thị Tuyết Mai, khoa dược-TTB-VTYT – Trung tâm y tế huyện Phú Ninh. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, SĐT liên hệ: 0972.039039

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Các công ty/đơn vị;
- Đăng Website Trung tâm;
- Lưu: VT, Dược-TTB-VTYT.

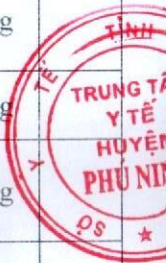


Phan Đình Mỹ

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

(Danh mục vị thuốc cổ truyền kèm theo Thư mời báo giá số 227/TM-TTYT ngày 09/10/2023)

T T	STT UB	STT theo TT 15/2 020/ TT- BYT	STT theo TT 05/201 5/TT- BYT	Tên vị thuốc	Nguồn gốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT (06/2023 /TT- BYT)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	21	1	1	Bạch chi	Nam	Rễ	Radix Angelicae dahuricae	Angelica dahurica Benth. Et Hook.f.-Apiaceae	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
2	29	273	236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Bắc	Thẻ nấm	Poria	Poria cocos (Schw.) Wolf – Polyporaceae	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
3	37	340	295	Bạch thược (Rễ)	Bắc	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae	Paeonia lactiflora Pall. – Ranunculaceae	Sao	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
4	43	358	328	Bạch truật	Bắc	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Atractylodes macrocephala Koidz. – Asteraceae	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
5	61	360	329	Cam thảo	Bắc	Rễ	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. – Fabaceae	Chích mật	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
6	128	367	331	Đảng sâm	Bắc	Rễ	Radix Codonopsis	Codonopsis spp. – Campanulaceae	Chích gừng	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
7	159	370	319	Đỗ trọng	Bắc	Vỏ thân	Cortex Eucommiae	Eucommia ulmoides Oliv. – Eucommiaceae	Chích muối ăn	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
8	166	31	37	Độc hoạt	Bắc	Rễ	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. – Apiaceae	Phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
9	168	240	296	Đương quy (Toàn quy)	Bắc	Rễ	Radix Angelicae sinensis	A. ngeiica sinensis (Oliv.) Diels – Apiaceae	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
10	205	373	334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Bắc	Rễ	Radix Astragali membranacei	Astragalus membranaceus (Fisch.) Bunge – Fabaceae	Chích mật ong	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
11	247	247	218	Khuông hoàng	Nam	Thân rễ	Rhizoma Curcumae longae	Curcuma longa L. - Zingiberaceae	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
12	249	35	41	Khuông hoạt	Bắc	Thân rễ	Rhizoma et Radix Notopterygii	Notopterygium incisum Ting ex H. T. Chang – Apiaceae	Phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	



13	315	251	221	Ngưu tất	Bắc	Rễ	Radix Achyranthis bidentatae	Achyranthes bidentata Blume. – Amaranthaceae	Chích rượu	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
14	335	6	47	Phòng phong	Bắc	Rễ	Radix Saposhnikoviae divaricatae	Saposhnikovia divaricata (Turcz.) Schischk.- Apiaceae	Sơ chế	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
15	345	7	6	Quế chi	Nam	Cành	Ramulus Cinnamomi	Cinnamomum sp. – Lauraceae	Sơ chế	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
16	376	149	50	Tang ký sinh	Nam	Toàn thân	Herba Loranthi gracilifolii	Loranthus gracilifolius Schant. – Loranthaceae	Sơ chế	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
17	370	45	53	Tân giao	Bắc	Rễ	Radix Gentianae macrophyllae	Genliana macrophylla Pall. – Gentianaceae	Sơ chế	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
18	388	10	9	Tế tân	Bắc	Rễ và Thân rễ	Radix et Rhizoma Asari	Asarum helerotropoides Kitag. – Aristolochiaceae	Sơ chế	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
19	433	355	301	Thục địa	Nam	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. – Scrophulariaceae	Chế biến với Rượu, Gừng	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
20	516	261	226	Xuyên khung	Bắc	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii	Ligusticum wallichii Franch. – Apiaceae	Chích rượu	DDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	
				Tổng cộng: 20 mặt hàng									



PHỤ LỤC
(Mẫu báo giá thuốc cổ truyền)

Tên công ty:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Email:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 2023

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Phú Ninh.

Căn cứ Thư mời báo giá số /TM-TTYT ngày / /2023 của Trung tâm y tế huyện Phú Ninh.

Công ty chúng tôi báo giá các mặt hàng vị thuốc cổ truyền như sau:

TT	STT theo 15/2020/TT- BYT	Tên vị thuốc	Nguồn gốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT (06/2023/ TT-BYT)	Số đăng ký lưu hành	Đơn vị tính	Đơn giá	Giá kê khai	Mã kê khai giá	Ghi chú
1											Kg				
2															
...															

Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.

Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:.....; SĐT:.....

GIÁM ĐỐC
(ký tên, đóng dấu)